TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/DS - ST
Ngày: 17 - 10 - 2018.
V/v tranh hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Ông Hồ Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST - DS, ngày 04/5/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST - DS, ngày 27/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số xx H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ trụ sở: Số XX Đ, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Do ông Lê Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch huyện M, tỉnh Bến Tre đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (có mặt).

*Bị đơn:*Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do ông Lê Quang H trình bày: Bà Nguyễn Thị T có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch huyện M theo hợp đồng tín dụng số: xx/2015/776xxxx/HĐTD, ngày 19/8/2015, số tiền vay là 400.000.000

đồng, mục đích vay để bơm cát san lấp mặt bằng, làm hàng rào, mua vật dụng gia đình, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 19/8/2015 đến hết ngày 19/8/2020, lãi suất trong hạn 11,3%/năm tại thời điểm vay, áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh theo định kỳ 02 lần/năm (06 tháng điều chỉnh một lần vào các ngày 01/6, 01/12) trên cơ sở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành do Ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc định kỳ hằng tháng vào ngày 15 với số tiền 6.700.000 đồng/tháng, bắt đầu trả vào ngày 15/9/2015, kỳ cuối trả vào ngày 19/8/2020 với số tiền 4.700.000 đồng/tháng, trả lãi cùng kỳ với kỳ trả nợ gốc. Biện pháp bảo đảm là tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 1.853,2m^2 (trong đó đất trồng cây lâu năm 1.553,2m^2, đất ở tại nông thôn 300m^2) thuộc thửa xxx tờ bản đồ số yy tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: xx/2015/775xxxx/HĐBĐ, ngày 19/8/2015 ký kết giữa bà T với Ngân hàng. Trong quá trình vay vốn bà T thường xuyên để phát sinh nợ quá hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng đã yêu cầu thanh toán nợ và xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nhiều lần nhưng bà T không thực hiện. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải hoàn trả nợ tính đến ngày 04/4/2018 gồm nợ gốc là 292.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 45.873.863 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.864.969 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 528.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 05/4/2018 đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Nếu bà T không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản mà bà T đã ký kết với Ngân hàng thể thu hồi nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch huyện M theo hợp đồng tín dụng số xx/2015, ngày 19/8/2015, bà xin trả lãi hằng tháng cho Ngân hàng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, nếu thị trường ổn định về giá heo bà sẽ đóng lãi như lúc đầu đã hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[2] Hợp đồng tín dụng số: xx/2015/775xxxx/HĐTD, ngày 19/8/2015 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch huyện M với bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều thừa nhận có thiết lập hợp đồng này, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp nhưng không có ý kiến phản đốigì về nội dung khởi kiện của Ngân hàng, xét về hình thức, nội dung của hợp đồng là do các bên tự nguyện giao kết, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực thi hành. Sau khi giao kết, thực hiện hợp đồng được một thời gian

thì bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, Ngân hàng đã tiến hành các biện pháp cần thiết để yêu cầu bà T trả nợ hoặc xử lý tài sản thế chấp để trả nợ nhưng không đạt kết quả nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán tiền vốn và lãi đúng thời hạn như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận, căn cứ vào nội dung của hợp đồng tín dụng, đến thời điểm ngày 04/4/2018 thì bà T còn nợ Ngân hàng gồm nợ gốc là 292.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 45.873.863 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.864.969 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 528.000 đồng nên buộc bà T phải hoàn trả số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng là phù hợp, đồng thời bà T phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng tính trên số nợ gốc từ ngày 05/4/2018 đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết mới bảo đảm đúng thỏa thuận giữa các bên khi giao kết hợp đồng, đồng thời cũng bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng là bên bị vi phạm nghĩa vụ.

[3] Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên vay, giữa Ngân hàng với bà T có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số: xx/2015/775xxxx/HĐBĐ, ngày 19/8/2015 gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa xxx, tờ bản đồ số yy, diện tích 1.853,2m^2 (trong đó đất trồng cây lâu năm 1.553,2m^2, đất ở tại nông thôn 300m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 87xxxx do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/6/2015 cho bà Nguyễn Thị T. Xét thấy hợp đồng thế chấp bất động sản được chứng thực hợp pháp, đã đăng ký thế chấp, nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó theo thỏa thuận hợp đồng nếu trường hợp bà T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[4] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả cho Ngân hàng là: 343.066.832 đồng x 5% = 17.153.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (do Chi nhánh Bến Tre đại diện nhận) số tiền vay tính đến ngày 04/4/2018 gồm nợ gốc là 292.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là45.873.863 đồng, nợ lãi quá hạnlà 3.864.969 đồng, phí phạt chậm trả lãi là528.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 05/4/2018 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số: xx/2015/775xxxx/HĐTD, ngày 19/8/2015được ký kết giữa Ngân hàng

thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch huyện M với bà Nguyễn Thị T.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo hợpđồng thế chấp bất động sản số: xx/2015/775xxxx/HĐBĐ, ngày 19/8/2015 gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa xxx, tờ bản đồ số yy, diện tích 1.853,2m^2 (trong đó đất trồng cây lâu năm 1.553,2m^2, đất ở tại nông thôn 300m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 87xxxx do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/6/2015 cho bà Nguyễn Thị T.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.153.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bến Tre số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.577.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện